

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 12 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng Bảo Ngọc.
Bà Nguyễn Thị Minh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hồng Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/TLST- HNGĐ ngày 08/11/2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tráng Thi B; sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Giang A S; sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2022, Bên bản lấy lời khai và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Tráng Thi B trình bày như sau:

Chị và anh Giang A S trước khi kết hôn với nhau có được tự do tìm hiểu nhau rồi được bố mẹ hai bên tổ chức ăn hỏi cưới xin theo phong tục tập quán và chung sống cùng nhau từ năm 2010. Sau đó đến ngày 27/9/2016 chị và anh S tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình phát sinh từ năm 2019 do anh S thường xuyên uống rượu chơi bời cùng bạn bè, không chịu tu chí làm ăn cũng không giúp đỡ chị làm việc. Khi say rượu thì còn mắng chửi, đánh đập chị, chị đã khuyên bảo anh S nhiều lần nhưng anh vẫn tụ tập cờ bạc rồi bán ruộng đất nương của gia đình để tiêu pha vào cờ bạc, rượu chè. Mặc dù chị đã hàn gắn để gia đình hòa thuận, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh S không thay đổi nên chị B quyết định xin ly hôn. Hiện chị đã về sống cùng mẹ chị và ly thân với anh S

từ tháng 9/2022 cho đến nay. Do thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Thị K, sinh ngày 16/5/2010 và cháu Giàng Thị N, sinh ngày 21/5/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi; còn cháu Giàng A H, sinh ngày 14/01/2015 để cho anh Giang A S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Xin tự nguyện nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Giang A S xác nhận tại Bên bản lấy lời khai: Vợ chồng chung sống kể từ năm 2010 và đăng ký kết hôn ngày 27/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, trước khi kết hôn có tự do tìm hiểu nhau và được tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương, thời gian chung sống ban đầu hạnh phúc nhưng từ tháng 9 năm 2022 do anh bán ruộng, nương rẫy của gia đình nên vợ chồng mâu thuẫn, chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ không còn chung sống cùng nhau cho đến nay nhưng anh vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Giàng Thị K, sinh ngày 16/5/2010; cháu Giàng Thị N, sinh ngày 21/5/2012 và cháu Giàng A H, sinh ngày 14/01/2015. Nếu chị B cương quyết ly hôn thì đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị B phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm ban đầu và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Tráng Thị B giữ nguyên quan điểm là xin được ly hôn; tại đơn xin xét xử vắng anh Giang A S giữ nguyên quan điểm ban đầu không nhất trí ly hôn.

Về tình trạng mâu thuẫn gia đình: Ngày 22/11/2022 Công an viên Thôn N cùng Công an xã Y cung cấp cho Tòa án Bết chị Tráng Thị B và anh Giang A S đã có mâu thuẫn trong mấy năm gần đây vì anh S thường xuyên rượu chè, không giúp vợ làm việc, đồng thời bán ruộng, nương của gia đình để tiêu xài cá nhân nên từ tháng 9/2022 chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan như việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố

tụng, việc thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tráng Thi B.

Về con chung: Đề nghị giao hai cháu Giàng Thị K, sinh ngày 16/5/2010 và cháu Giàng Thị N, sinh ngày 21/5/2012 cho chị Tráng Thi B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Giao cháu Giàng A H, sinh ngày 14/01/2015 cho anh Giang A S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Tráng Thi B chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Tráng Thi B có đơn khởi kiện xin “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn là anh Giang A S đều có nơi cư trú tại Thôn N, xã Y, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang nên việc Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Giang A S nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó HĐXX căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tráng Thi B và anh Giang A S được xác lập trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2016 tại UBND xã Y, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn gia đình giữa chị B và anh S là do anh S thường xuyên uống rượu, mắng chửi vợ con và bán ruộng, nương của gia đình nên vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không thể hòa giải được. Qua xác minh

tình trạng mẫu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú thì do tháng 9 năm 2022 anh S bán ruộng, nương của gia đình để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại Thôn N, xã Y, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, vợ chồng đã ly thân không còn chung sống từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn gia đình như chị B đã trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, mặc dù Tòa án đã hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau nhưng chị B cương quyết xin ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận xử cho chị B được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị B và anh S có 03 con chung. Tại phiên hòa giải và phiên tòa chị B có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Thị K, sinh ngày 16/5/2010 và cháu Giàng Thị N, sinh ngày 21/5/2012. Xét thấy các cháu Khương và Nương là con gái đều có nguyện vọng ở với mẹ, hiện nay hai cháu đang ở cùng chị B và được gia đình mẹ đẻ của chị B tạo điều kiện cho sinh hoạt, học tập, HĐXX xét thấy giao hai cháu cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Đối với anh Giang A S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung nhưng chỉ có cháu Giàng A H, sinh ngày 14/01/2015 có nguyện vọng ở cùng anh, hiện nay cháu Hân đang ở với anh và đang học tập, sinh hoạt ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Giàng A H, sinh ngày 14/01/2015 cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời các bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung chị B và anh S không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Chị Tráng Thi B phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Tráng Thi B. Xử cho chị Tráng Thi B được ly hôn với anh Giang A S.

2. Về nuôi con chung:

Giao cho chị Tráng Thi B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Thị K, sinh ngày 16/5/2010 và cháu Giàng Thị N, sinh ngày 21/5/2012 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Giao cho anh Giang A S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng A H, sinh ngày 14/01/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh S và chị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không.

4. Về án phí: Chị Tráng Thi B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê theo Bên lai số 0006522 ngày 08/11/2022. Anh Giang A S không phải chịu tiền án phí dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Mê;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Hoàng Văn Thuận

